

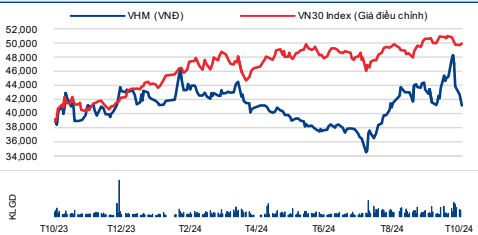
Tăng tỷ trọng

Giá mục tiêu: VNĐ52,200
Tiềm năng tăng/giảm: 26.9%

Giá cổ phiếu (đồng) (30/10/2024)	41,150
Mã Bloomberg	VHM VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	34,500-48,250
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	42,200
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	179,182
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	7,073
Sig CP lưu hành (tr.đv)	4,354
Sig CP NN được sở hữu (tr.đv)	2,134
Sig CP NN được mua (tr.đv)	1,524
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	14.0%
Tỷ lệ freefloat	18.6%
Cổ đông lớn	Vingroup (69.9%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	103,557	103,992	101,890
EBITDA đc (tỷ đồng)	42,052	35,211	41,047
LNTT (tỷ đồng)	43,310	40,243	44,964
LNT ĐC (tỷ đồng)	33,382	30,726	34,483
FCF (tỷ đồng)	(8,471)	(4,814)	8,589
EPS ĐC (đồng)	7,666	7,056	7,919
DPS (đồng)	0	0	0
BVPS (đồng)	41,177	48,234	56,153
T.trưởng EBITDA (%)	9.56	(16.3)	16.6
T.trưởng EPS ĐC (%)	15.7	(7.93)	12.2
Tăng trưởng DPS (%)	(100)	nm	nm
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	40.6	33.9	40.3
Tỷ suất LNTT (%)	41.8	38.7	44.1
Tỷ suất LNT ĐC (%)	32.2	29.5	33.8
Tỷ lệ LN trả CT (%)	0	0	0
Nợ thuần/VCSH (%)	43.3	50.1	47.7
ROAE (%)	20.6	15.8	15.2
ROACE (%)	19.9	13.1	13.4
EV/doanh thu (lần)	2.14	2.22	2.19
EV/EBITDA ĐC (lần)	5.27	6.54	5.44
P/E ĐC (lần)	5.37	5.83	5.20
P/B (lần)	1.00	0.85	0.73
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Vinhomes, một công ty con của Vingroup, là công ty phát triển bất động sản nhà ở lớn nhất tại Việt Nam.

Chuyên viên phân tích

Phạm Ngọc Trung

Trưởng phòng, Ngành Bất Động Sản
trung.ph@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 172

Hồ Thị Kiều Trang, CFA

Giám đốc, Ngành Bất Động Sản
trang.htk@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 129

Q3/2024: KQKD vượt dự báo do thời điểm ghi nhận doanh thu

- Lợi nhuận thuần Q3/2024 đạt 7,9 nghìn tỷ đồng, giảm 26,4% so với cùng kỳ trên doanh thu 33,3 nghìn tỷ đồng, tăng 1,8% so với cùng kỳ. Lợi nhuận cao hơn dự báo của HSC đa phần do thời điểm ghi nhận doanh thu tại các dự án Vinhomes Royal Island (VRI), OCP 2, OCP 3.
- Lợi nhuận thuần và doanh thu thuần 9 tháng đầu năm 2024 hoàn thành lần lượt 64% và 67% dự báo cho cả năm 2024. Chúng tôi dự báo lợi nhuận sẽ cải thiện trong Q4/2024 nhờ tiếp tục bàn giao căn hộ tại các dự án VRI, OCP 2, OCP 3.
- HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu. Theo dự báo hiện tại của chúng tôi, VHM đang giao dịch ở mức chiết khấu 56,6% so với RNAV, lớn hơn bình quân 3 năm ở mức 48,7%.

Sự kiện: Công bố KQKD Q3/2024

VHM công bố BCTC Q3/2024 cho thấy lợi nhuận thuần và doanh thu thuần lần lượt là 7,9 nghìn tỷ đồng (giảm 26,4% so với cùng kỳ) và 33,3 nghìn tỷ đồng (tăng 1,8% so với cùng kỳ). Kết quả trên cao hơn một chút so với dự báo của HSC, chủ yếu do đẩy mạnh hoạt động bàn giao nhà tại dự án Vinhomes Royal Island (VRI, Hải Phòng), OCP2,3 (Hưng Yên). Doanh thu từ HĐKD không cốt lõi trong giai đoạn này khá thấp, ở mức 223 tỷ đồng.

KQKD trong 9 tháng đầu năm 2024 đã hoàn thành lần lượt 67% và 64% dự báo doanh thu và lợi nhuận thuần cho cả năm 2024 của chúng tôi, cũng như hoàn thành 58% và 59% mục tiêu BLĐ đặt ra cho cả năm 2024.

Hoạt động bàn giao dự án OCP 2, OCP 3, VRI thúc đẩy lợi nhuận

Doanh thu mảng kinh doanh BĐS trong Q3/2024 đạt 26,9 nghìn tỷ đồng, giảm 6,9% so với cùng kỳ nhưng tăng 50,8% so với quý trước, đóng góp 80,7% tổng doanh thu trong quý. Doanh thu được ghi nhận chủ yếu đến từ việc bàn giao các căn hộ thấp tầng tại dự án Vinhomes Ocean Park 2 ,3 (OCP 2, OCP3) với giá trị 18,2 nghìn tỷ đồng, các dự án khác như OCP, Vinhomes Smart City, Vinhomes Golden Avenue đồng góp 8,7 nghìn tỷ đồng. Số lượng căn hộ bàn giao cao hơn một chút so với dự báo của chúng tôi.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 31/10.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q3/2024, VHM

Tỷ đồng	Q3/23	Q3/24	% y/y	9T23	9T24	% y/y
Doanh thu thuần	32,724	33,323	1.8%	94,636	69,910	-26.1%
Lợi nhuận gộp	14,957	9,751	-34.8%	34,708	20,214	-41.8%
Thu nhập tài chính	1,845	5,498	197.9%	15,560	15,536	-0.2%
Chi phí tài chính	(954)	(1,555)	63.1%	(2,238)	(5,477)	144.8%
Chi phí bán hàng	(683)	(1,629)	138.7%	(2,996)	(3,007)	0.4%
Chi phí quản lý	(636)	(1,109)	74.3%	(1,762)	(2,393)	35.9%
Lợi nhuận hoạt động	14,528	10,957	-24.6%	43,271	24,875	-42.5%
LNST	10,724	8,980	-16.3%	32,396	20,600	-36.4%
Lợi nhuận thuần	10,695	7,866	-26.4%	32,300	19,642	-39.2%
Lợi nhuận thuần không thường xuyên	(411)	-	N/m	(1,081)	(223)	-79.3%
Lợi nhuận thuần trừ các khoản mục ròng không thường xuyên	11,106	7,866	-29.2%	33,381	19,865	-40.5%

Nguồn: HSC

Lợi nhuận gộp từ mảng kinh doanh BĐS đạt 9 nghìn tỷ đồng, đóng góp 93% vào tổng lợi nhuận gộp trong quý, cho thấy tỷ suất lợi nhuận gộp đạt 33,6% so với 40% trong Q3/2023 và 41,7% trong Q2/2024, do đóng góp cao hơn từ hoạt động bàn giao các căn hộ thấp tầng theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC), tại dự án mà Vinhomes chia sẻ lợi nhuận với đối tác BCC, sát với dự báo của HSC.

Doanh thu HĐ tài chính đạt 5,5 nghìn tỷ đồng, tăng 3 lần so với cùng kỳ nhưng giảm 32,3% so với quý trước, chủ yếu nhờ lợi nhuận chia sẻ từ hoạt động bàn giao dự án Vinhomes Royal Island (theo hợp đồng hợp tác kinh doanh). Doanh thu chuyển đổi đạt 9,4 nghìn tỷ đồng trên tỷ suất lợi nhuận gộp 43%.

Doanh số bán nhà vẫn giữ đà tăng trưởng tốt trong Q3/2024

Doanh số bán nhà Q3/2024 tăng mạnh 135,4% so với cùng kỳ và 6,8% so với quý trước đạt 37,9 nghìn tỷ đồng, chủ yếu nhờ bàn giao các dự án Vinhomes Royal Island (877 ha, Hải Phòng), OCP 2, OCP 3. Trong 9 tháng đầu năm 2024, tổng doanh số bán nhà đạt 89,6 nghìn tỷ đồng, tăng 58% so với cùng kỳ và mức đóng góp của dự án VRI lên đến 81%, cao hơn dự báo của chúng tôi (hoàn thành 88,6% dự báo cho cả năm của HSC). Tại thời điểm cuối Q3/2024, doanh số bán nhà chưa ghi nhận doanh thu đạt 123 nghìn tỷ đồng, tăng 4% so với cuối Q2/2024.

Tỷ lệ nợ thuần/vốn CSH đạt 20%, an toàn

Dư nợ thuần được ghi nhận ở mức 47,7 nghìn tỷ đồng, tăng mạnh 23,2% kể từ đầu năm nhưng giảm 3,9% so với cuối Q2/2024. Tỷ lệ nợ thuần/vốn CSH đạt 22%, vẫn an toàn theo quan điểm của chúng tôi.

Đáng lưu ý, số dư với các bên liên quan trong Q3/2024 giảm mạnh 40,3% kể từ đầu năm và 33,5% so với quý trước, chủ yếu nhờ giảm lượng tiền gửi vào công ty mẹ (VIC) để phục vụ mục đích đầu tư. Tuy nhiên, số dư vẫn duy trì ở mức cao sự và cần được theo dõi chặt chẽ.

Xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

HSC duy trì khuyến nghị, giá mục tiêu, và dự báo. Theo dự báo hiện tại của chúng tôi, VHM đang giao dịch ở mức chiết khấu 56,6% so với RNAV, lớn hơn bình quân 3 năm ở mức 48,7%.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	62,393	103,557	103,992	101,890	115,307
Lợi nhuận gộp	30,696	35,707	40,208	47,732	54,693
Chi phí BH&QL	(5,076)	(7,756)	(8,345)	(8,996)	(10,281)
Thu nhập khác	13,807	13,472	7,306	6,512	2,978
Chi phí khác	(2,319)	(817)	(6,055)	(6,701)	(6,633)
EBIT	37,109	40,605	33,113	38,546	40,757
Lãi vay thuần	808	3,429	7,130	6,417	6,353
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	56.4	10.7	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	670	(735)	0	0	0
LN TT	38,643	43,310	40,243	44,964	47,110
Chi phí thuế TNDN	(9,481)	(9,777)	(7,713)	(8,617)	(9,029)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(331)	(161)	(1,804)	(1,863)	(2,774)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	28,831	33,371	30,726	34,483	35,307
Lợi nhuận thuần ĐC	28,887	33,382	30,726	34,483	35,307
EBITDA ĐC	38,382	42,052	35,211	41,047	43,642
EPS (đồng)	6,621	7,664	7,056	7,919	8,108
EPS ĐC (đồng)	6,634	7,666	7,056	7,919	8,108
DPS (đồng)	2,000	0	0	0	0
Slg CP bình quân (triệu đv)	4,354	4,354	4,354	4,354	4,354
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	4,354	4,354	4,354	4,354	4,354
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	4,354	4,354	4,354	4,354	4,354

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	10,817	14,103	24,183	28,147	30,478
Đầu tư ngắn hạn	6,297	3,834	7,668	9,201	11,042
Phải thu khách hàng	96,209	132,871	144,334	147,942	158,770
Hàng tồn kho	64,362	55,318	75,362	101,698	127,382
Các tài sản ngắn hạn khác	18,851	36,215	39,284	42,944	45,272
Tổng tài sản ngắn hạn	196,535	242,341	290,832	329,933	372,943
TSCĐ hữu hình	8,225	10,619	11,974	13,136	14,158
TSCĐ vô hình	1,115	1,052	1,096	1,107	1,126
Bất động sản đầu tư	15,524	17,037	20,714	22,906	25,304
Đầu tư dài hạn	7,344	7,573	7,573	7,573	7,573
Đầu tư vào Cty LD,LK	147	187	187	187	187
Tài sản dài hạn khác	132,923	165,822	184,623	192,146	200,557
Tổng tài sản dài hạn	165,277	202,290	226,167	237,056	248,906
Tổng cộng tài sản	361,813	444,631	516,999	566,989	621,849
Nợ ngắn hạn	15,330	18,290	31,970	30,350	32,760
Phải trả người bán	15,031	20,452	34,450	30,874	33,101
Nợ ngắn hạn khác	77,117	121,494	110,830	111,013	123,170
Tổng nợ ngắn hạn	187,762	211,073	245,864	260,980	280,661
Nợ dài hạn	20,876	38,394	43,441	41,969	39,067
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	926	1,169	1,169	1,169	1,169
Nợ dài hạn khác	1,600	8,981	8,981	8,981	8,981
Tổng nợ dài hạn	23,402	48,544	53,590	52,119	49,216
Tổng nợ phải trả	213,291	261,994	301,832	315,476	332,255
Vốn chủ sở hữu	145,213	179,302	210,028	244,511	279,818
Lợi ích cổ đông thiểu số	3,309	3,335	5,139	7,002	9,776
Tổng vốn chủ sở hữu	148,522	182,636	215,167	251,513	289,594
Tổng nợ phải trả và VCSH	361,813	444,631	516,999	566,989	621,849
BVPS (đ)	33,349	41,177	48,234	56,153	64,261
Nợ thuần/(tiền mặt)	25,390	42,580	51,228	44,172	41,348

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	37,109	40,605	33,113	38,546	40,757
Khấu hao	(1,217)	(1,436)	(2,098)	(2,500)	(2,885)
Lãi vay thuần	808	3,429	7,130	6,417	6,353
Thuế TNDN đã nộp	(4,135)	(5,812)	(7,713)	(8,617)	(9,029)
Thay đổi vốn lưu động	9,598	(21,951)	(13,467)	(16,868)	(21,567)
Khác	(14,861)	(15,815)	(17,727)	(7,807)	(8,690)
LCT thuần từ HĐKD	31,004	1,517	2,360	14,455	10,988
Đầu tư TS dài hạn	(18,299)	(9,988)	(7,173)	(5,866)	(6,324)
Góp vốn & đầu tư	(54,767)	(46,176)	0	0	0
Thanh lý	38,411	28,711	(3,834)	(1,534)	(1,840)
Khác	7,826	8,821	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(26,829)	(18,632)	(11,007)	(7,400)	(8,164)
Cổ tức trả cho CSH	(9,384)	0	0	0	0
Thu từ phát hành CP	0	5.70	0	0	0
Tăng/giảm nợ	11,400	20,396	18,727	(3,092)	(493)
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	2,016	20,401	18,727	(3,092)	(493)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	4,626	10,817	14,103	24,183	28,147
LCT thuần trong kỳ	6,191	3,286	10,080	3,964	2,330
Ảnh hưởng của tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	10,817	14,103	24,183	28,147	30,478
Dòng tiền tự do	12,704	(8,471)	(4,814)	8,589	4,664

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	49.2	34.5	38.7	46.8	47.4
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	61.5	40.6	33.9	40.3	37.8
Tỷ suất LNT (%)	46.2	32.2	29.5	33.8	30.6
Thuế TNDN hiện hành (%)	24.5	22.6	19.2	19.2	19.2
Tăng trưởng doanh thu (%)	(26.6)	66.0	0.42	(2.02)	13.2
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(22.3)	9.56	(16.3)	16.6	6.32
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(25.7)	15.6	(7.96)	12.2	2.39
Tăng trưởng EPS (%)	(26.7)	15.7	(7.93)	12.2	2.39
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(26.6)	15.6	(7.96)	12.2	2.39
Tăng trưởng DPS (%)	33.3	(100)	nm	nm	nm
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	30.2	0	0	0	0
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	21.4	20.6	15.8	15.2	13.5
ROACE (%)	22.5	19.9	13.1	13.4	12.6
Vòng quay tài sản (lần)	0.21	0.26	0.22	0.19	0.19
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	0.84	0.04	0.07	0.38	0.27
Số ngày tồn kho	741	298	431	685	767
Số ngày phải thu	1,108	715	826	997	956
Số ngày phải trả	173	110	197	208	199
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	60.2	43.3	50.1	47.7	41.4
Nợ/tài sản (%)	27.1	20.7	25.0	25.5	23.5
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	2.56	2.18	3.68	3.53	3.35
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.05	1.15	1.18	1.26	1.33
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	3.28	2.14	2.22	2.19	1.91
EV/EBITDA ĐC (lần)	5.33	5.27	6.54	5.44	5.05
P/E (lần)	6.21	5.37	5.83	5.20	5.07
P/E ĐC (lần)	6.20	5.37	5.83	5.20	5.07
P/B (lần)	1.23	1.00	0.85	0.73	0.64
Lợi suất cổ tức (%)	4.86	0	0	0	0

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn